

NGUYỄN ÁI QUỐC, "NGƯỜI ĐI TÌM HÌNH CỦA NƯỚC"

TS. LÊ HUỖNH HOA

Vào nửa cuối thế kỷ XX, nhà thơ Chế Lan Viên đã hơn một lần viết lên những vần thơ chứa chan cảm xúc trước hình ảnh một người thanh niên Việt Nam vượt trùng dương tìm đường cứu nước và gọi con người vĩ đại ấy là: "người đi tìm hình của nước" để "tìm đường cho dân tộc đi theo". Kể từ sau các hiệp ước (1862, 1867, 1874, 1884) mà Triều đình Nhà Nguyễn ký với thực dân Pháp, Việt Nam trở thành 03 kỳ trong cái gọi là Liên bang Đông Dương và Việt Nam mất tên gọi trên bản đồ địa hành chính của khu vực và thế giới. Sau nhiều năm bôn ba hải ngoại, từ người thanh niên Nguyễn Tất Thành với hai bàn tay trắng lên tàu vượt biển rồi trở thành Nguyễn Ái Quốc với bản Yêu sách của nhân dân An Nam, 30 năm sau về nước với một chính đảng và sau 34 năm, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời. Cuộc hành trình ấy là cuộc hành trình đi tìm hình của nước.

1. Từ một người yêu nước thành một người cộng sản

Con đường đi "tìm hình của nước" mà người thanh niên mới 21 tuổi cách đây vừa đúng 100 năm thực hiện là một quá trình biến đổi từ người yêu nước thành người cộng sản. Khi bước chân lên tàu viễn dương tìm sang trời Tây, người thanh niên ấy chỉ có hai bàn tay trắng và một nỗi ưu tư nặng lòng vì dân, vì nước. Với một nghề kiếm sống và cũng là điều kiện duy nhất có thể tìm được lúc bấy giờ: phụ bếp trên một thương thuyền Viễn dương. Khi đặt chân đến nước Pháp, cậu thanh niên Nguyễn Tất Thành tìm một cơ hội để học tập nâng cao tri thức với mong muốn giúp đồng bào mình



"được hưởng những điều tốt đẹp của học vấn"¹. Rồi trên đất Pháp, người thanh niên Nguyễn Tất Thành đã trở thành Nguyễn Ái Quốc khi cùng những nhân sĩ Việt Nam yêu nước tại Paris lúc bấy giờ đưa ra Bản yêu sách của nhân dân An nam. Song, có lẽ sự chuyển biến mạnh nhất, có ý nghĩa nhất, biểu hiện cao nhất khát khao tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc là thời điểm năm 1920 khi tiếp cận Bản luận cương về các vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lênin. Nguyễn Ái Quốc đã ủng hộ Quốc tế Cộng sản III với một lý do đơn giản nhưng hết sức thuyết phục: "Vi quốc tế III rất chú ý đến vấn đề giải phóng thuộc địa... Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi, đấy là tất cả những điều tôi muốn, đấy là tất cả những điều tôi hiểu"². Và cũng theo lẽ tự nhiên ấy, Nguyễn Ái Quốc trở thành một trong những người tham gia thành lập Đảng cộng sản Pháp và cũng là người cộng sản đầu tiên ở Việt Nam.

2. Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (VNDCCH) trên bản đồ địa hành chính thế giới

Sự xuất hiện hay mất đi một quốc gia trên bản đồ thế giới là một việc trọng đại, thậm chí nó còn tạo ra những ảnh hưởng có tính thời đại, làm thay đổi cả bản đồ địa chính trị của thế giới. Tại Đông Nam Á, một quốc gia mới xuất hiện với chính thể *dân chủ cộng hoà* từ một thuộc địa của đế quốc Pháp ngay sau chiến tranh thế giới thứ II – chiến thắng của quân đồng minh trong đó có nước Pháp, là một sự kiện không dễ chịu với chính những người được gọi là *đồng minh*. Để thấy rõ hơn về sự xuất hiện một cách công khai, minh bạch với những lý do và cơ sở pháp lý cũng như thực tế hết sức xác đáng, xin điểm qua 02 văn bản có tính chất đánh dấu sự hiện diện của một quốc gia, một chính thể: *Bản Tuyên ngôn độc lập* do Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc tại Quảng trường Ba Đình ngày 02/9/1945 và Sắc lệnh số 49/SL cũng do chính Chủ tịch Chính phủ lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ký ngày 12/10/1945, quy định về việc sử dụng tiêu đề: VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ – NĂM THỨ NHẤT trên các loại văn bản, trong tất cả các hoạt động của xã hội Việt Nam kể từ sau ngày tuyên bố độc lập.

Trước hết, với bản *Tuyên ngôn độc lập* khai sinh ra một nước Việt Nam mới.

Sau 30 năm bôn ba tìm đường cứu nước, ngày 28/01/1941, Nguyễn Ái Quốc đặt chân lên mảnh đất địa đầu Tổ quốc tại cột mốc 108, biên giới Việt – Trung và trực tiếp lãnh đạo Đảng cùng nhân dân đứng lên làm nên một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, xóa đi hơn 80 năm nô lệ và ách thống trị một cổ hai tròng. Ngày 02/9/1945, tại Quảng trường Ba Đình lịch sử, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thay mặt dân tộc Việt Nam đọc bản *Tuyên ngôn độc lập*, khai sinh ra nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á. Khi nói đến bản *Tuyên ngôn độc lập*, các nhà nghiên cứu của Việt Nam và thế giới đã khai thác ở nhiều góc độ khác nhau. Tuy nhiên, xét dưới góc độ của cuộc hành trình

tìm đường cứu nước mà người thanh niên Nguyễn Tất Thành khởi đầu từ năm 1911 thì ý nghĩa của nó càng sâu sắc hơn. Khi Nguyễn Tất Thành rời Sài Gòn tìm đến phương trời Tây với hy vọng “*ra nước ngoài xem cho rõ. Sau khi xem xét họ làm ăn ra sao, tôi sẽ trở về giúp đồng bào tôi*”³. Và trong khi Việt Nam dưới chế độ phong kiến Nhà Nguyễn tên gọi Việt Nam không còn tồn tại trên bản đồ thế giới, chỉ là 03 kỳ của cái gọi là *Liên bang Đông Dương - Union Indochinoise* (1887), đôi khi gọi là *Đông Dương thuộc Pháp - Indochine française*, thì việc nhấn mạnh trong *Bản tuyên ngôn độc lập* đọc ngày 02/9/1945 là: “*Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị. Dân ta đánh đổ các xiềng xích thực dân gần một trăm năm nay để gây dựng nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỷ mà lập nên chế độ Dân chủ Cộng hoà*” rất có ý nghĩa. Hình của nước – quốc gia VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ đã được xác lập trên bản đồ địa hành chính thế giới kể từ đó - ngày 02/9/1945. Với việc tuyên bố độc lập, khai sinh ra một nhà nước mới trên lãnh thổ Việt Nam trước toàn thế giới là khẳng định sự hiện diện của một quốc gia, một chính thể về mặt chính trị và ngoại giao trước quốc dân và thế giới.

Sau đúng 01 tháng 10 ngày kể từ khi đọc *Tuyên ngôn độc lập* tại Quảng trường Ba Đình, ngày 12/10/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 49/SL về việc quy định các công văn, đơn từ, báo chí... phải ghi tiêu đề “Việt Nam Dân chủ Cộng hoà - năm thứ Nhất”. Về mặt quản lý hành chính nhà nước, đây là văn bản quy định về thể thức của văn bản hành chính – công cụ quản lý và giao dịch trong một xã hội có Nhà nước. Thể thức này bắt buộc thực hiện trên tất cả các loại văn bản hành chính, thể hiện quyền quản lý hành chính của một chính thể, một chế độ xã hội, một nhà nước có chủ quyền. Việc thay đổi quy định này chỉ thực hiện khi kết thúc sự tồn tại của một chính thể, một nhà nước bằng một chính thể, một nhà nước khác. Còn trước ngày

02/9/1945, với tất cả các loại văn bản hành chính, văn bản giao dịch khác của chế độ phong kiến phải ghi niên hiệu của từng triều đại hay của chính quyền thực dân tại Đông Dương, trên trang 1 đều phải ghi tiêu đề như ở chính quốc: "RÉPUBLIQUE FRANCAISE/Liberté – Égalité – Praticité".

Ngoài ra, xét về mặt văn bản hành chính học – khoa học nghiên cứu về kỹ thuật soạn, ban hành văn bản quản lý, Sắc lệnh số 49/SL được ban hành dựa trên những cơ sở pháp lý và thực tế rất chặt chẽ, nên thực sự có ý nghĩa vô cùng sâu sắc trong việc góp phần khẳng định Việt Nam là một quốc gia có chủ quyền cũng như để lại nhiều kinh nghiệm quý giá trong công tác soạn thảo và ban hành văn bản sau này, cụ thể:

- Sắc lệnh ban hành ngay sau ít ngày tuyên bố độc lập đã cho thấy chính quyền mới thực thi hoạt động quản lý hành chính, quản lý xã hội theo quy định của một quốc gia có chủ quyền.

- Trong phần căn cứ pháp lý và căn cứ thực tế để ban hành Sắc lệnh có ghi: "Xét vì ngày 24/8/1945, vua Bảo Đại đã tuyên bố thoái vị, giao lại chính quyền cho Chính phủ Dân chủ Cộng hoà" – đây là căn cứ thực tế hết sức quan trọng, khẳng định sự chấm dứt một chế độ xã hội, một nhà nước; Hay là "Xét vì bắt đầu từ ngày 02/9/1945, Nước Việt Nam đã tuyên bố độc lập cho toàn thể quốc dân và thế giới biết" - căn cứ pháp lý nhằm tuyên bố với quốc dân, thế giới sự ra đời của một chính thể, một quốc gia có quyền hưởng tự do và độc lập. Hoặc như "Xét vì nêu cao một kỷ nguyên mới để đánh dấu vào lịch sử nước ta, những độc lập tự do và hạnh phúc mà chính thể dân chủ cộng hoà mang lại cho dân chúng" là căn cứ thực tế để về sau, dưới "tiêu đề" **VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ** có thêm ở dòng thứ 2: **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** như trên các văn bản của Nhà nước VNDCCH và hiện nay.

Như vậy, xét dưới góc độ định hình một quốc gia, một chế độ xã hội, một chính thể, một nhà nước, Sắc lệnh số 49/SL, ngày

12/10/1945 thực sự là một dấu mốc gạt phăng tất cả những gì của chế độ phong kiến đã tồn tại hàng ngàn năm, chế độ thực dân đã tồn tại hơn 80 năm trên đất nước Việt Nam ở mọi lĩnh vực giao dịch hành chính trong đời sống xã hội. Cột mốc quan trọng ấy chính là quy định trong khoản 1 của Sắc lệnh: *Bắt đầu từ ngày ký Sắc lệnh này đều phải tiêu đề...* Ngày nay, khi quy định về việc sử dụng thành phần quốc hiệu, ngôn ngữ của văn bản quy phạm pháp luật có thể mang tính thời đại nhưng tinh thần và nội dung của Sắc lệnh số 49/SL vẫn còn những giá trị mãi mãi. Còn xét về mặt thượng tầng kiến trúc – hình thành và tổ chức bộ máy nhà nước, về ngoại giao – việc sử dụng quốc hiệu của chính quốc là tuyên bố công khai cho sự hình thành một quốc gia độc lập, có chủ quyền, hình ảnh, vị thế của một nước Việt Nam mới thực sự được xác lập thay cho một "nước An Nam" của Triều đình phong kiến Nhà Nguyễn bị chia cắt thành 03 kỳ, nằm trong *Liên bang Đông Dương* thuộc Pháp.

3. Tài liệu lưu trữ góp phần làm rõ hành trình tìm đường cứu nước của Hồ Chủ tịch

Còn nhớ một nhà nghiên cứu lịch sử nào đó đã nói rằng: *Lịch sử là sâu chuỗi của những sự kiện và sự thật. Sự kiện nói thay chúng ta mà không một ngòi bút, một nhà nghiên cứu nào lột tả hết được.* Thông thường, các sự kiện lịch sử hoặc được ghi chép thành các bộ chính sử hoặc được phản ánh một cách khách quan thông qua hệ thống văn bản hành chính sản sinh trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, ... tại chính những thời điểm đó. Do vậy, có thể nói tài liệu lịch sử, tài liệu hành chính, ... là nguồn sử liệu về quá khứ, là cơ sở để người đời sau nghiên cứu, tìm hiểu về quá khứ. Song, với Hồ Chủ tịch có những điểm khác biệt. Vốn sinh thời, Hồ Chủ tịch không hay nói về mình và càng không muốn người khác tôn vinh mình như một vị thánh, sản phẩm của chủ nghĩa tôn sùng cá nhân. Mặt khác, do hoạt động của Người trong thời

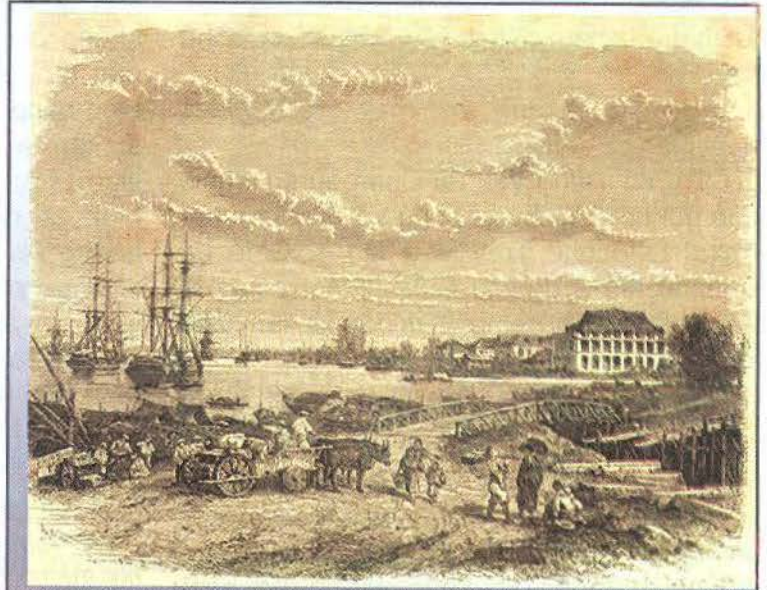
gian đất nước còn dưới ách cai trị của thực dân, phạm vi không gian rộng (hơn 30 nước trên thế giới) nên tài liệu về Người càng khó tìm kiếm. Vì thế, sau khi Bác qua đời, các thế hệ người Việt Nam và thế giới không có nhiều tài liệu về Người. Cũng chính vì lý do này, việc khắc hoạ lại con đường *đi tìm hình của nước* để người thanh niên Nguyễn Tất Thành trở thành người đấu tranh cho quyền tự quyết của các dân tộc - Nguyễn Ái Quốc, cuối cùng là Hồ Chí Minh - Chủ tịch của nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á là một công việc vô cùng khó khăn. Tuy nhiên, hành trình để tìm và xác lập *hình của nước* mà Bác đã thực hiện cách đây 100 năm vẫn được con cháu của Người tìm cách tái hiện trong những khả năng có thể. Trong cuộc hành trình vạn dặm ấy, Cảng Sài Gòn của miền đất phương Nam của Tổ quốc đã vinh dự là nơi được Người chọn làm điểm khởi đầu. Cuộc hành trình 30 năm của người thanh niên Nguyễn Tất Thành bắt đầu từ Cảng Sài Gòn vào ngày 05/6/1911.

Trước hết, xin nói về Sài Gòn và cảng Sài Gòn, nơi mảnh đất phương Nam được Bác chọn để khởi đầu cuộc viễn dương. Khi thực dân Pháp xâm lược, ngay khi vẫn còn sự kháng cự mãnh liệt của nhân dân Nam Kỳ, thực dân Pháp đã tìm cách mở Cảng ở Sài Gòn vào ngày 22/2/1860⁴. Phương tiện vận tải lúc bấy giờ giữa Việt Nam với thế giới chủ yếu là tàu biển. Do vậy, đây cũng là tuyến vận tải duy nhất giao thương giữa Việt Nam, Đông Dương với các nước trên thế giới trong đó có "chính quốc". Tuy nhiên, ở thời điểm Bác ra đi tìm đường cứu nước (1911), Việt Nam có 02 cảng mà tàu viễn dương vận chuyển hành khách và hàng hoá ra nước ngoài, nhất là đến Pháp, đó là Cảng Sài Gòn (1860) và Cảng Hải Phòng (1876).

Song tất cả các con tàu đi ra đều phải xuất phát từ Cảng Sài Gòn, với lý do:

- Cảng Sài Gòn, ngoài chức năng là một quân cảng hạng nhất của thực dân Pháp ở Đông Dương về mặt vị trí chiến lược cũng như về tổ chức, trang bị và đứng thứ 12 trong số các quân cảng của Pháp về mặt trọng tải nó còn là một cảng thương mại và ngày càng trở thành bộ phận chủ yếu trong đời sống, trong sự phát triển và biến đổi kinh tế của Nam Kỳ.

- Nằm trong xứ Nam Kỳ thuộc địa của Pháp (trong khi Bắc và Trung Kỳ là xứ bảo hộ) nên Cảng Sài Gòn được xếp vào danh sách các cảng của nước Pháp thuộc hệ thống cảng biển Quốc tế⁵. Do đó, nếu khởi



Cảng Sài Gòn cuối thế kỷ 19. ATL

hành từ cảng này có thể cập bến bất cứ cảng nào nằm trong hệ thống cảng biển nói trên. Đây chính là lý do giải thích vì sao Nguyễn Tất Thành ngày ấy đã chọn ra đi từ bến Cảng Sài Gòn. Xác định điểm khởi đầu đúng đắn đã giúp Nguyễn Tất Thành đạt được mục đích của mình trong hành trình tìm đường cứu nước cho dân tộc. Điều đó cho thấy, Người không chỉ có lòng nhiệt huyết cao cả mà còn có cả trí thức tuyệt vời. Đây cũng chính là điểm mấu chốt mà nhiều câu hỏi đã từng đặt ra.

Trong thời gian 05 tháng Bác lưu lại Sài Gòn (02/1911 – 6/1911), thành phố mang tên Người còn những địa chỉ đồ⁶ mang dấu ấn những năm tháng ngắn ngủi trước khi Người vượt trùng khơi:

- Nhà ông Lê Văn Đạt tại Vựa chiếu, Xóm Cầu Rạch Bần, ngày nay là số 185/1 đường Cô Bắc, Q1 – nơi Người tá túc đầu tiên tại Sài Gòn;

- Phân cuộc Liên Thành liên quán tại số 1-2-3 Quai Testard (bến Testard) - Chợ Lớn. Sau đó kênh được lấp đi, năm 1915 đổi thành đường Tổng Đốc Phương, nay là đường Châu Văn Liêm - quận 5. Đây là nơi người thanh niên Nguyễn Tất Thành tá túc đến lúc lên tàu ra đi vào ngày 05/6/1911. Căn số 5 (trong ba căn nhà nói trên) hiện được giữ lại làm di tích lưu niệm về Hồ Chủ tịch.

- Học tại trường thợ máy - école des mécaniciens

- Trụ sở Hãng vận tải Chargeurs Réunis (còn gọi là hãng 5 sao) chủ sở hữu con tàu Amiral Latouche Tréville ở lầu 1, Café La Rotonde, số 2 đường Catinat (ngày nay là đường Đồng Khởi), nơi Bác đến xin làm việc với chân phụ bếp⁷.

Ngoài những thông tin trên tìm được từ tài liệu lưu trữ trong phong Thống đốc Nam Kỳ bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia II (Tp. Hồ Chí Minh) và ở Aix-en-Provence – CAOM (lưu trữ tại Cộng hòa Pháp) 8 còn khá nhiều thông tin khác về những hoạt động của người thanh niên Nguyễn Tất Thành rồi là Nguyễn Ái Quốc trong suốt cuộc hành trình tìm đường cứu nước hiện đang được trưng bày tương đối đầy đủ tại Bảo tàng Hồ Chí Minh. Những tài liệu này được sử dụng chủ yếu trong các công trình nghiên cứu về Bác của các học giả trong và ngoài nước.

Như vậy, con đường đi tìm hình của nước mà người thanh niên Nguyễn Tất Thành với hai bàn tay trắng, từ một bến cảng ở đất phương Nam – Cảng Sài Gòn, sau 30 năm trở về với tư cách một người

cộng sản, một lãnh tụ của Cách mạng Việt Nam: Hồ Chí Minh. Và cũng từ cuộc trở về này, với một cuộc cách mạng mà người đã dày công đi tìm phương cách đã dẫn đến sự ra đời của một quốc gia với chính thể mang tên Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đây thực sự là một kết thúc có hậu cho dân tộc Việt Nam, một kết thúc tốt đẹp bởi mang lại “những Độc lập – Tự do – Hạnh phúc cho dân chúng”. Từ một thanh niên trẻ trở trước vận mệnh của dân tộc trở thành một người yêu nước và nhất là trở thành một người cộng sản, tham gia sáng lập đảng cộng sản ngay trên đất nước của đế quốc đang đô hộ dân tộc mình. Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh là một quá trình tìm đường để trưởng thành không chỉ cho bản thân Người mà cho cả dân tộc. Kể từ năm 1862 – và nhất là khi Liên bang Đông Dương ra đời đã chấm dứt sự tồn tại của một quốc gia mang tên Việt Nam, Đại Nam, An Nam. Sau hơn 80 năm, hình đất nước được hiện ra một cách đàng hoàng với đủ tư cách pháp lý và thực tế với những “chủ nhân ông” có “quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”. Công lao đó thuộc về “Người đi tìm hình của nước” – Nguyễn Ái Quốc, Hồ Chí Minh./

1. Thư của NAQ gửi Tổng thống Pháp xin vào học trường thuộc địa ngày 15/9/1911. Bảo tàng HCM

2, 3. Hồ Chí Minh – Biên niên tiểu sử (1890 – 1929). Đặng Xuân Kỳ (chủ biên), Nxb CTQG, Hn 2005.

4. P. Boudet – L'Indochine dans l'après-midi – Hanoi, 1941.

6. Hành trình theo chân Bác. HTV, 2009.

7. Nguyễn Đình Đầu, Tạp chí Xưa Nay, số 50b-4-1998.

5, 8. Hs IA5/106, IA.5/017 (3), IA.5/037, Phong Goucoch, TTLTQG II - Luận văn tiến sĩ. Lê Huỳnh Hoa, năm 2003; Tài liệu của CAOM do Gs. Ts Nguyễn Phan Quang khai thác tại Pháp.